TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 01 - 2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2020, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Hồng L, sinh năm 1966 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Trần Hồng L trình bày:

Vào năm 1990, bà (Trần Hồng L) và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Về con chung có 02 người tên là

Nguyễn Văn Đ (giới tính nam) sinh năm 1989 và Nguyễn Thùy T (giới tính nữ), sinh năm 1991, hiện Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thùy T đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Hồng L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn M vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn M nêu trên là có căn cứ.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Trần Hồng L và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Trần Hồng L xác định quá trình chung sống cùng với ông Nguyễn Văn M thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây giữa bà và ông Nguyễn Văn M thường xảy ra mâu thuẫn mà không thể hàn gắn. Bà Trần Hồng L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn M được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, bà Trần Hồng L và ông Nguyễn Văn M không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Có 02 người tên là Nguyễn Văn Đ (giới tính nam) sinh năm 1989 và Nguyễn Thùy T (giới tính nữ), sinh năm 1991, hiện Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thùy T đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống, bà Trần Hồng L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà Trần Hồng L yêu cầu tự thỏa thuận, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Trần Hồng L xác định không có nợ chung.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Hồng L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Hồng L và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Hồng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Hồng L đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012170, ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước